

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT
KHOA KINH TẾ



BÀI GIẢNG

KHAI BÁO THUẾ

Giáo viên: Vũ Thị Hữu Nghĩa

CHƯƠNG 1: THUẾ MÔN BÀI

I. lý thuyết

1. Khái niệm : Thuế môn bài là một sắc thuế trực thu và thường là định ngạch đánh vào giấy phép kinh doanh (môn bài) của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Thuế môn bài được thu hàng năm. Mức thu phân theo bậc, dựa vào số vốn đăng ký hoặc doanh thu của năm kinh doanh kế trước hoặc giá trị gia tăng của năm kinh doanh kế trước tùy từng nước và từng địa phương.

2. Hệ thống văn bản pháp lý :

- Nghị định 75/2002/NĐ-CP
- Thông tư số 96/2002/TT-BTC
- Thông tư số 42/2003/TT-BTC

a. Mức thu thuế phí môn bài

LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ VỐN	SỐ TIỀN CẦN NỘP
THÀNH LẬP TRƯỚC 25/02/2020	
Doanh nghiệp/tổ chức có vốn điều lệ/đầu tư trên 10 tỷ đồng	3.000.000 đồng/năm
Doanh nghiệp/tổ chức có vốn điều lệ/đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống	2.000.000 đồng/năm
Chi nhánh, VP đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác	1.000.000 đồng/năm
Hộ kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm	1.000.000 đồng/năm
Hộ kinh doanh có doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm	500.000 đồng/năm
Hộ kinh doanh có doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm	300.000 đồng/năm
THÀNH LẬP TỪ NGÀY 25/02/2020	
Doanh nghiệp/tổ chức, hộ kinh doanh, chi nhánh, VP đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác	Miễn thuế môn bài

b. Thời gian nộp thuế môn bài

Thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30/01 hàng năm.

c. Mức phạt chậm nộp tờ khai và tiền thuế

Căn cứ theo thông tư 166/2013/TT-BTC thì mức phạt chậm nộp tờ khai như sau:

- Phạt cảnh cáo (nếu có tình tiết giảm nhẹ) khi số ngày chậm nộp từ 01 (một) đến 05 (năm) ngày;
- Phạt tiền từ 400.000 đồng - 1.000.000 đồng khi số ngày chậm nộp từ 01 (một) đến 10 (mười) ngày;
- Phạt tiền từ 800.000 đồng - 2.000.000 đồng khi số ngày chậm nộp từ 11 (mười một) đến 20 (hai mươi) ngày;
- Phạt tiền từ 1.200.000 đồng - 3.000.000 đồng khi số ngày chậm nộp từ 21 (hai mươi một) đến 30 (ba mươi) ngày;
- Phạt tiền từ 1.600.000 đồng - 4.000.000 đồng khi số ngày chậm nộp từ 31 (ba mươi một) đến 40 (bốn mươi) ngày;
- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng - 5.000.000 đồng khi số ngày chậm nộp từ 41 (bốn mươi một) đến 90 (chín mươi) ngày;
- Phạt tiền từ 3.500.000 đồng - 5.000.000 đồng khi số ngày chậm nộp trên 90 (chín mươi) ngày.
- Số ngày chậm nộp tính từ khi nào? Tính từ khi hết hạn nộp tờ khai.

Ví dụ: Đơn vị bạn thành lập ngày 08/03/2019 - Hạn chậm nhất phải nộp là ngày 31/03/2019 thì số ngày chậm nộp được tính từ ngày 01/04/2019.

Mức phạt tiền

Số tiền phạt = Số tiền chậm nộp thuế X 0.03% X Số ngày chậm nộp
phạt = Số tiền chậm nộp thuế X 0.05% X Số ngày chậm nộp

3. Định khoản kế toán:

1. Hạch toán chi phí thuế môn bài

2. Khi nộp thuế môn bài

3. Khi doanh nghiệp bị Nhà nước phạt thuế môn bài

4. Tiến hành nộp phạt

II. Thực hành kê khai

Bài 1:

BÀI TẬP KÊ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI

Thông tin về công ty:

- Tên công ty: công ty TNHH Gia Đình
- Vốn điều lệ: 5 tỷ
- Địa chỉ: 15 Phan Đình Phùng, P2, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Mã số thuế: 5801353239
- Số tài khoản: 1884797909 ngân hàng Á Châu - chi nhánh Lâm Đồng
- Công ty thành lập ngày 01/01/2021 và có 1 văn phòng thuộc công ty thành lập cùng ngày tại địa chỉ 3/2 Ngô Quyền, P6, Đà Lạt

Bài 2:

BÀI TẬP KÊ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI

Thông tin về công ty:

- Tên công ty: công ty TNHH Gia Đình
- Vốn điều lệ: 16 tỷ
- Địa chỉ: 15 Phan Đình Phùng, P2, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Mã số thuế: 5801353239
- Số tài khoản: 1884797909 ngân hàng Á Châu - chi nhánh Lâm Đồng
- Công ty thành lập ngày 01/01/2021 và có 1 văn phòng thuộc công ty thành lập ngày 01/7/2021 tại địa chỉ 3/2 Ngô Quyền, P6, Đà Lạt

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI

[01] Kỳ tính lệ phí: năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ ☐

[04] Người nộp lệ phí:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax: **[11]** Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: **[16]** Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: **[18]** Fax: **[19]** Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế số: ngày

☐ **[21]** Khai bổ sung cho cơ sở mới thành lập trong năm (đánh dấu “X” nếu có)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư, doanh thu	Mức lệ phí môn bài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Người nộp lệ phí môn bài	[22]		
2	Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương (Ghi rõ tên, địa chỉ)	[23]		
3	Tổng số lệ phí môn bài phải nộp	[24]		

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP LỆ PHÍ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP LỆ PHÍ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CHƯƠNG 2: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

I. lý thuyết

1. Khái niệm

- Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.
- Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng là các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu hàng hoá chịu thuế là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng.
- Luật thuế giá trị gia tăng của Việt Nam hiện hành quy định 4 mức thuế suất là: 0 % , 5 % , 10 % và 20 % áp dụng cho các nhóm hàng hóa, dịch vụ. Trong đó mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu. Mức thuế suất 20 % áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ như vàng, bạc, đá quý, dịch vụ môi giới...

2. Phương pháp kê khai thuế: phương pháp khấu trừ (mẫu 01) và phương pháp trực tiếp (mẫu 04)

3. Thời gian kê khai:

- + Tháng (tổng DT năm trước liền kề từ 50 tỷ trở lên)
- + Quý (DN mới thành lập/ tổng DT năm trước liền kề từ 50 tỷ trở xuống)

4. Thời gian nộp tờ khai và nộp thuế:

- + KK theo tháng: hạn chót là ngày 20 tháng sau
- + KK theo quý: hạn chót là ngày 30 tháng đầu quý tiếp theo

II. Hệ thống pháp lý

- TT 219/2013/TT – BTC
- Luật QL Thuế/2019/QH14

1. Thuế GTGT khi mua HH, DV: (133)

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC KHẤU TRỪ

- + **Phải có hóa đơn GTGT hợp pháp** của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài đối với

các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

+ Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào có giá từ hai mươi triệu đồng trở lên thì phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

+ Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới hai mươi triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày và có tổng giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

2. Thuế GTGT khi bán HH, DV: (3331)

KHÔNG CHỊU THUẾ	THUẾ SUẤT 0%	THUẾ SUẤT 5%	THUẾ SUẤT 10%	KHÔNG TÍNH THUẾ
1. Sản phẩm trồng trọt 2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng 3. Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp. 4. Sản phẩm muối 5. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê. 6. Chuyển quyền sử dụng đất. 7. Bảo hiểm 8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán. 9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y 10. Dịch vụ bưu chính, viễn	Thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước	1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt 2. Quặng để sản xuất phân bón 3. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ 4. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản 5. Mủ cao su	Trong quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh, nếu các hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp không	1. Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác 2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại

thông công ích và Internet phổ cập	ngoài và ở	sơ chế	thuộc	Việt Nam, bao gồm các
11. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ.	trong khu phi thuế quan;	6. Thực phẩm tươi sống	đối tượng không	trường hợp: sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (bao gồm cả vật tư, phụ tùng thay thế); quảng cáo, tiếp thị; xúc tiến đầu tư và thương mại; môi giới bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài; đào tạo; chia
12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.	vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không	7. Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường	chịu thuế GTGT, thuế GTGT 0%	cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài mà các dịch vụ này được thực hiện ở ngoài Việt Nam, dịch vụ thuê đường truyền dẫn và băng tần vệ tinh của nước ngoài theo quy định của pháp luật.
13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.	chịu thuế	8. Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, trúc, chít, nứa, luồng, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp	hoặc thuế GTGT 5% thì thuộc đối tượng	3. Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế GTGT bán tài sản.
14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	GTGT khi xuất khẩu; cụ thể:	bào tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp	chịu thuế suất 10%.	4. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã.
15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa,...	(1) Hàng hóa xuất khẩu	9. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên		5. Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo
16. Vận chuyển hành khách công cộng	(2) Dịch vụ xuất khẩu			
17. Hàng hóa thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu	(3) Vận			
18. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.				

19. Hàng nhập khẩu và hàng hóa, dịch vụ bán cho các tổ chức, cá nhân để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại trong một số trường hợp.	tài quốc tế	dùng cho y tế	phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trên hóa đơn GTGT, ghi dòng giá bán là giá không có thuế GTGT, dòng thuế suất và thuế GTGT không ghi, gạch bỏ.
20. Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ.	(4) Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải	10. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập	6. Tài sản cố định đang sử dụng, đã thực hiện trích khấu hao khi điều chuyển theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán giữa cơ sở kinh doanh và các đơn vị thành viên do một cơ sở kinh doanh sở hữu 100% vốn hoặc giữa các đơn vị thành viên do một cơ sở kinh doanh sở hữu 100% vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì không phải lập hóa đơn và kê khai, nộp thuế GTGT. Cơ
21. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng và các loại vàng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.	(5) Các hàng hóa, dịch vụ khác	11. Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim	
22. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến		12. Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại	
23. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh		13. Dịch vụ khoa học và công nghệ	
24. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống.		14. Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội	
25. Các hàng hóa được bán miễn thuế ở các cửa hàng bán hàng miễn thuế			
26. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu như chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập			

khẩu; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau, ...				sở kinh doanh có tài sản cố địnhđiều chuyển phải có Quyết định hoặc Lệnh điều chuyển tài sản kèm theo bộ hồ sơ nguồn gốc tài sản.
---	--	--	--	---

Chú ý:

- Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT: được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (Theo điểm 1.h, Điều 9 Nghị định 209/2013/NĐ-CP);
- Không chịu thuế GTGT: Không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (theo điểm 1.d, Điều 9 Nghị định 209/2013/NĐ-CP);
- Chịu thuế suất 0%: được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (theo điểm 1.a, Điều 9 Nghị định 209/2013/NĐ-CP)
- Cùng một công ty có nhiều mặt hàng chịu nhiều mức thuế suất, nếu không phân loại thì công ty chịu mức thuế suất của mặt hàng có mức thuế suất cao nhất.

3. Định khoản kế toán:

III. Thực hành kê khai

Bài 1:

BÀI TẬP KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

- Tên công ty: công ty TNHH Gia Đình

Báo cáo về thuế GTGT trong kỳ như sau: SĐĐK 2.500.000

1. Mua NVL giá chưa thuế 40 triệu, VAT 10%, thanh toán qua NH 95%, còn lại TT bằng TM
2. Mua hàng hóa về nhập kho chưa thuế 2 tỷ, thanh toán bằng chuyển khoản, VAT 10%
3. Mua 1 xe ô tô chưa thuế 2 tỷ, thanh toán bằng chuyển khoản, VAT 10%
4. Mua hàng hóa về nhập kho chưa thuế 1 tỷ, thanh toán bằng chuyển khoản, VAT 5%
5. Tổng doanh thu từ việc bán hàng chịu thuế 4 tỷ, VAT 10%

6. Tổng doanh thu từ việc bán hàng không chịu thuế 1 tỷ
7. Chi phí phục vụ cho SXKD mặt hàng chịu thuế 200 triệu, VAT 10%
8. Chi phí phục vụ cho SXKD mặt hàng không chịu thuế 60 triệu, VAT 10%
9. Chi phí dùng chung cho SXKD mặt hàng chịu thuế và không chịu thuế là 100 triệu, VAT 10%
10. Tờ khai bổ sung ở quý 2/2020 được duyệt tăng 3 triệu

Bài 2:

Tại doanh nghiệp SG:

- MST: 0313132477
- ĐC: 14 Lê Thị Hồng Gấm, ĐL, LĐ
- Ngày thành lập: 19/2/2018 với vốn điều lệ là 40 tỷ
- Ngày 3/11/2020 thành lập 1 văn phòng tại 16 Nguyễn Trung Trực. Vốn điều lệ của công ty hiện là 60 tỷ.
- Theo tờ khai thuế GTGT của quý 2/2020 được cơ quan thuế duyệt thì chỉ tiêu 43 là 18.000.000
- Theo tờ khai thuế GTGT bổ sung của quý 2/2020 được cơ quan thuế duyệt ghi tăng 1.350.000
- Sổ sách kế toán ghi chép trong quý 3/2020 như sau: (ĐVT: VNĐ)

Ngày	NVKT	Giá chưa thuế	Ghi chú
20/7/2020	Mua hàng hóa	2.800.000.000	- VAT 10% - TT = TM 20%, còn lại TT bằng TGNH
8/8/2020	Mua NVL	2.000.000.000	- VAT 5% - TT = TGNH 100%
15/8/2020	Doanh thu mặt hàng không chịu thuế phát sinh	1.400.000.000	- Thu = TGNH 100%
22/8/2020	Chi phí dịch vụ cho mặt hàng không chịu thuế	50.000.000	- VAT 10% - TT = TGNH 80%

8/9/2020	Doanh thu mặt hàng chịu thuế phát sinh	3.600.000.000	- VAT 10% - Thu = TGNH 100%
20/9/2020	Mua ô tô 7 chỗ	1.700.000.000	- VAT 10% - TT = TGNH 70%
22/9/2020	Chi phí dịch vụ dùng chung cho cho mặt hàng không chịu thuế và chịu thuế	100.000.000	- VAT 10% - TT = TGNH 90%
30/9/2020	Doanh thu mặt hàng chịu thuế phát sinh (không làm danh sách phân loại thuế)	200.000.000	- VAT 5% và 0% - Thu = TGNH 100%
30/9/2020	Cơ quan thuế không xét duyệt khấu trừ cho 1 hóa đơn GTGT mua hàng ngày 20/7/2020 do thiếu chữ ký	30.000.000	

Yêu cầu: Lập tờ khai phí môn bài, thuế VAT trong quý 3/2020

CHƯƠNG 3: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

I. lý thuyết

1. Khái niệm

Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế gián thu, đánh vào một số loại hàng hóa, dịch vụ mang tính chất xa xỉ nhằm điều tiết việc sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng xã hội. Đồng thời điều tiết mạnh thu nhập của người tiêu dùng. Góp phần tăng thu cho Ngân sách Nhà nước, tăng cường quản lý sản xuất kinh doanh đối với những hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.

2. Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Theo Điều 2 Luật thuế TTĐB năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2016, đối tượng chịu thuế TTĐB bao gồm:

– Hàng hóa:

- + Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm;
- + Rượu;
- + Bia;
- + Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng;
- + Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm³;
- + Tàu bay, du thuyền;
- + Xăng các loại;
- + Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;
- + Bài lá;
- + Vàng mã, hàng mã.

– Dịch vụ:

- + Kinh doanh vũ trường;
- + Kinh doanh mát-xa (massage), ka-ra-ô-kê (karaoke);
- + Kinh doanh ca-si-nô (casino); trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot), máy sò-lot (slot) và các loại máy tương tự;
- + Kinh doanh đặt cược;

- + Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn;
- + Kinh doanh xổ số.

3. Đối tượng không chịu thuế TTĐB

Theo Điều 3 Luật thuế TTĐB năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2016, đối tượng không chịu thuế TTĐB bao gồm:

Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật thuế TTĐB không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu;
- Hàng hóa nhập khẩu bao gồm:
 - + Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ;
 - + Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ;
 - + Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
 - + Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo quy định của pháp luật;
- Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng;
- Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông;
- Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ.

4. Đối tượng nộp thuế TTĐB

Đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu mua hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB.

5. Cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ

Theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tiêu thụ đặc biệt sẽ được khấu trừ khi thực hiện khai số thuế tiêu thụ đặc biệt. Bao gồm các trường hợp sau đây:

- Cơ sở sản xuất nhập khẩu hoặc mua trong nước nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB.
- Xăng sinh học được khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nguyên liệu mua vào.
- Trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

6. Định khoản kế toán:

1. Hạch toán thuế TTĐB khi bán

Nợ TK 511

Có TK 3332

2. Hạch toán thuế TTĐB khi nhập khẩu

Nợ TK 156/211...

Có TK 3332

II. Thực hành kê khai

Bài 1:

Tại công ty xuất nhập khẩu rượu Á Châu

ĐC: 43 Lê Hồng Phong, p4, Đà Lạt

MST:3500806643

Có tài liệu kế toán như sau:

1. Ngày 3/N Nhập khẩu 4.000 lít rượu 40 độ, giá mua chưa thuế là 2\$/lít, Thuế TTĐB là 65%, thuế NK là 65%, đã có biên lai nộp các loại thuế cho NSNN bằng tiền mặt. Biết TGGD là 21.000 VNĐ/USD.(BL số 0000085, ký hiệu: AA/55X)

2. Ngày 13/N Xuất kho toàn bộ số rượu nhập khẩu ngày 3/N trên để sản xuất ra được 50.000 chai rượu 15 độ.

3. Ngày 23/N Xuất bán cho công ty Phương Hải 30.000 chai 15 độ với giá bán chưa thuế là 700.000 đ/chai, thuế TTĐB 35%. (HĐ số 0000002, ký hiệu: AA/55X)

4. Ngày 25/N Bán cho công ty Mía 15.000 chai 15 độ với giá bán chưa thuế là 700.000 đ/chai, thuế TTĐB 35% (HĐ số 0000002, ký hiệu: AA/55X)

5. Ngày 27/N Nhập khẩu 22.000 chai rượu 15 độ với giá 10\$/chai, thuế NK 50%, thuế TTĐB là 35%, tỷ giá là 20.000 VNĐ/USD. (BL số 0000086, ký hiệu: AA/55P)

6. Ngày 30/N Xuất bán 12.000 chai rượu 15 độ nhập khẩu ngày 27/N cho công ty TÊ RA với giá bán chưa thuế là 700.000 đ/chai, thuế TTĐB 35%. (HĐ số 0000001, ký hiệu: AA/55P)

Yêu cầu: tính toán và lập tờ khai thuế TTĐB tháng N.

CHƯƠNG 4: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

I. Lý Thuyết

1. Khái niệm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được hiểu là loại thuế trực thu. Tức là thu trên kết quả hoạt động sản xuất và kinh doanh cuối cùng của mỗi doanh nghiệp. Đây là loại thuế mà tất cả các doanh nghiệp hay tổ chức công ty mà kinh doanh dịch vụ đều phải thực hiện nộp thuế.

2. Cách tính thuế TNDN

THUẾ TNDN = (TN CHỊU THUẾ - TN MIỄN THUẾ - LỖ KC KỲ TRƯỚC - TRÍCH LẬP KHCN) X THUẾ SUẤT

TN CHỊU THUẾ = LNTT điều chỉnh theo cơ quan thuế

ĐIỀU CHỈNH GIỮA LNTT VÀ THU NHẬP CHỊU THUẾ

ĐIỂM KHÁC BIỆT	LNTT (KẾ TOÁN)	THU NHẬP CHỊU THUẾ (THUẾ)
<u>Doanh thu</u> 1.Điều kiện ghi nhận doanh thu	Theo chuẩn mực số 14 (5 ĐK) + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; + Xác định được chi phí liên	Theo TT74/2014/TT-BTC + Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định : là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. + Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau: Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua. Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ. + Trường hợp thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế

<u>Ví dụ 1:</u> 9/12/2019 viết HĐ bán xe ô tô cho KH nhưng đến 15/2/2020 mới giao xe <u>Ví dụ 2:</u> trong đơn vị thiết kế khi công trình hoàn thành .	quan đến giao dịch bán hàng.	được tính theo thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ
<u>Doanh thu</u> 2. Trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm. <u>Ví dụ:</u> Cho thuê TS trong vòng 3 năm, doanh thu cho thuê là 25.000.000/năm, KH đã thanh toán hết tiền thuê 3 năm	doanh thu trong năm ghi nhận theo kế toán là tổng số tiền cho thuê chia cho tổng số năm trả tiền trước	Thuế có thể lựa chọn một trong hai cách tính doanh thu phân bổ cho số năm trả tiền trước, hoặc xác định theo doanh thu trả tiền một lần.
<u>Doanh thu</u> 3. Các khoản được	Vẫn giảm trừ doanh thu	Không được giảm trừ doanh thu nếu không

giảm trừ doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính không đủ chứng từ hợp pháp <u>Ví dụ:</u> Chiết khấu thương mại cho khách hàng bằng TM 2.000.000		thanh toán qua ngân hàng (chứng từ minh chứng bắt buộc)
<u>Chi phí</u> 1. Chi phí khấu hao tài sản cố định <u>Ví dụ 1</u> Doanh nghiệp mua 1 xe 7 chỗ nguyên giá 2 tỷ, thời gian sử dụng 20 năm <u>Ví dụ 2</u> Doanh nghiệp mua lại 1 xe tải chở hàng 480.000.000 của ông A, chưa đổi tên chủ sở hữu qua doanh nghiệp,	- Theo chuẩn mực kế toán thì tài sản này vẫn được trích khấu hao đưa vào chi phí theo nguyên giá TSCĐ - Tính khấu hao cho tất cả TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp	- Theo qui định của luật thuế TNDN thì phần trích khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống không được hạch toán vào chi phí . - Không tính khấu hao cho TS không có tên doanh nghiệp là chủ sở hữu

thời gian sử dụng là 15 năm		
<u>Chi phí</u> 2. Chi phí trả lãi tiền vay <u>Ví dụ:</u> DN vay 500 triệu, lãi suất 1.5%/tháng, lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 0.66%/tháng.	Trong thực tế các doanh nghiệp chỉ vay ở các tổ chức tín dụng và còn vay ngoài hệ thống tổ chức tín dụng với mức lãi suất vượt xa 150% lãi suất cơ bản, theo chuẩn mực kế toán thì lãi tiền vay này được hạch toán.	Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay
<u>Chi phí</u> 3. Các khoản chi phí phát sinh nhưng không có hóa đơn hợp pháp	Có những khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng không có hóa đơn hợp pháp (thường doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bán lẻ cho những khoản chi phí thấp để làm chứng từ hạch toán) những chi phí này liên quan đến việc tạo ra doanh thu tính thuế trong năm nên theo chuẩn mực kế toán vẫn được hạch toán vào chi phí.	Theo qui định của luật thuế TNDN thì những khoản chi phí này không được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế
<u>Chi phí</u> 4. Chi phí chi vượt quá qui định của luật thuế TNDN	Những chi phí này theo chuẩn mực kế toán vẫn được hạch toán vào chi phí.	- Trong quá trình hoạt động kinh doanh, nhất là những công ty mới thành lập thường có nhiều chi phí phát sinh như chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp

		tân, khánh tiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán;... phần chi phí này luật thuế không chế 10% tổng số chi được trừ, và 15% tổng số chi được trừ đối với công ty mới thành lập. - Khấu hao nhanh vượt quá qui định của luật thuế TNDN. Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được trích khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ.
<u>Chi phí</u> 5. Các khoản chi phí tiền lương, tiền công, tiền thưởng, các khoản chi khác chi cho người lao động nhưng không ghi cụ thể Hợp đồng lao động	Những chi phí này theo chuẩn mực kế toán vẫn được hạch toán vào chi phí.	Theo qui định của luật thuế TNDN thì những khoản chi phí này không được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp

- Thuế suất [thuế TNDN](#) hiện hành là 20% áp dụng chung cho các doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%, trên 20 tỷ đồng chịu thuế suất 22%
- Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50% phù hợp với từng dự án, từng cơ sở kinh doanh.

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

- a) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tháng chậm nhất là ngày thứ 20 (hai mươi) của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

b) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quý, tạm tính theo quý chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế.

c) Lãi suất phạt nộp chậm:.....

d) Số tạm nộp trong năm phải bằng ít nhất 80% số phải nộp theo quyết toán

II. Bài Tập

Bài 1:

Công ty Cổ phần Thiên Thanh là doanh nghiệp kinh doanh thiết bị y tế thành lập năm 2000. Năm 2017 có các nghiệp vụ phát sinh như sau: (Đơn vị tính triệu đồng)

1. Tổng doanh thu kế toán ghi nhận trong năm là 26.000 trong đó:

– Bán hàng thiết bị y tế cho công ty An Bình trị giá 1000, lãi trả chậm trả góp là 100, kế toán đã ghi nhận toàn bộ vào Doanh thu trong kỳ.

– Công ty cho khách hàng A thuê 1 thiết bị y tế trong 3 năm theo giá thuê là 800/ năm. Khách hàng A đã thanh toán toàn bộ số tiền thuê cho 3 năm. Kế toán đã hạch toán vào tài khoản 511 số tiền 800.

Tuy nhiên, đến cuối năm chưa xác định được chi phí cho thuê của năm đó.

– Cuối năm 2017, công ty bán hàng cho công ty B. Tuy nhiên, do công ty B ở xa nên ngày 2/1/2018 hàng mới được vận chuyển đến kho của công ty B. Ngày 30/12/2017 khi xuất kho hàng bán, kế toán đã xuất hóa đơn và hạch toán doanh thu ngày 30/12/2017 là 600.

2. Trong năm, công ty ghi nhận 23.000 chi phí, trong đó có các khoản chi phí như sau:

– Chi tiền đồng phục cho cán bộ công nhân viên số tiền 120 triệu đồng

– Chi khấu hao tài sản cố định là 1 chiếc xe oto 4 chỗ, số tiền là 180 triệu đồng. Chiếc xe này công ty mua của cá nhân nhưng chưa chuyển tên sở hữu sang tên công ty.

– Chi 84 triệu đồng để mua bảo hiểm nhân thọ cho toàn bộ công nhân viên. Khoản chi mua bảo hiểm này được ghi cụ thể trong quy chế Tài chính công ty.

– Chi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho lao động nữ số tiền là 100 triệu đồng. Sau khi đào tạo số lao động này cam kết làm việc tại doanh nghiệp ít nhất 2 năm.

– Công ty vay của ông Nguyễn Văn Nam – Phó phòng kinh doanh số tiền là 5.000, lãi suất 0.3%/ tháng từ ngày 1/5/2017 (lãi suất cơ bản do NHNN công bố tại thời điểm vay là 0.15%/ tháng)

- Cuối năm khi đánh giá lại khoản nợ trả bằng ngoại tệ, lỗ 20 triệu đồng. Kế toán đã ghi nhận qua tài khoản 413 nhưng chưa kết chuyển sang tài khoản chi phí.
- Tài trợ trực tiếp 200 triệu đồng cho 10 em sinh viên nghèo vượt khó của trường Học viện Tài chính.

3. Ngoài ra, trong năm công ty còn có các khoản lợi ích khác:

- Lãi từ khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn từ ngân hàng BIDV: 25 triệu đồng
- Công ty có một khoản nợ phải trả là 40 triệu đồng. Tuy nhiên, đến 31/12/2017 không xác định được chủ nợ.
- Được đối tác bồi thường 50 triệu đồng do vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, công ty phải chi bồi thường cho khách hàng là 65 triệu đồng.

4. Năm 2016 trên quyết toán thuế TNDN, công ty lỗ 320 triệu đồng.

5. Công ty trích lập quỹ KHCN 10% theo quy định.

Biết rằng:

- Năm 2017, công ty đang được giảm 50% thuế TNDN
- Số lượng CNV là 20 người
- Công ty tạm nộp thuế TNDN: 2.150

Yêu cầu: Xác định số thuế TNDN công ty Thiên Thanh phải nộp trong năm 2017.

BÀI 2:

Công ty Cổ phần ANZ là doanh nghiệp kinh doanh thương mại văn phòng phẩm, thành lập năm 2012. Năm 2018 có các nghiệp vụ phát sinh như sau: (Đơn vị tính triệu đồng)

1. Khấu hao xe 5 chỗ 100.000.000 (nguyên giá 2 tỷ, TGSD 20 năm)
2. CKTM cho KH Z bằng TM 4.000.000
3. Doanh nghiệp vay tiền của bà K (trong ban quản trị) 25 tỷ, với LS 0.7%/12 tháng từ ngày 1/3 (biết LSNH thời điểm vay là 0.2%/ 12 tháng)
4. DN thuê lại 1 mặt bằng để làm văn phòng từ ông N với giá thuê là 12 triệu/tháng từ đầu năm, nhưng đến ¼ mới hoàn thành thủ tục sang tên người thuê qua công ty.
5. Chi phí chạy quảng cáo phát sinh trong năm là 60.00.000, vượt quá 23% so với quy định.
6. Chi phí tiếp khách tại ban giám đốc có 1 hóa đơn bán lẻ trị giá 5.000.000

7. Trong bảng lương thanh toán của bộ phận bán hàng có 2 nhân viên vào từ tháng 10 nhưng chưa ký hợp đồng lao động là:

Họ và tên NV	Chi phí lương T10	Chi phí lương T11	Chi phí lương T12
Trương Hải Minh	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Hồ Tiến Quảng	3.500.000	4.000.000	4.000.000

8. Chi đồng phục cho nhân viên trong năm 300.000.000
9. Do khách hàng vi phạm hợp đồng nên phải bồi thường cho DN 6.000.000
10. Khách hàng M (đã xóa nợ từ năm 2017) tới thanh toán nợ bằng TM 9.000.000
11. Công ty trích lập quỹ KHCN 10% theo quy định.

Biết rằng:

- Kết quả kinh doanh năm 2017: lỗ 600.000.000
- Doanh thu kế toán 2018: 13.000.000.000
- Chi phí kế toán 2018: 6.000.000.000
- SL NV trong công ty: 50 nhân viên
- Năm 2018 công ty được giảm 20% thuế TNDN
- Công ty đã nộp tạm thuế TNDN 2018 là:
- Kế toán nộp tờ khai thuế vào ngày 15/2/2019

Yêu cầu: Xác định số thuế TNDN công ty phải nộp trong năm 2018.

CHƯƠNG 5: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

I. Lý thuyết

1. Khái niệm:

Thuế TNCN là thuế trực thu, tính trên thu nhập của người nộp thuế sau khi đã trừ các thu nhập miễn thuế và các khoản được giảm trừ gia cảnh.

2. Đối tượng nộp thuế TNCN

Theo quy định tại Điều 2 Luật thuế thu nhập cá nhân 2007, sửa đổi bổ sung 2012, đối tượng nộp thuế TNCN bao gồm:

Cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, đáp ứng các điều kiện sau:

- Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;
- Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

Cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

3. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân

- Thu nhập từ kinh doanh thuộc diện chịu thuế TNCN
- Thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện chịu thuế TNCN
- Thu nhập từ đầu tư vốn thuộc diện chịu thuế TNCN
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản thuộc diện chịu thuế TNCN
- Thu nhập từ trúng thưởng thuộc diện chịu thuế TNCN
- Thu nhập từ bản quyền
- Thu nhập từ nhượng quyền thương mại
- Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng

4. Kỳ tính thuế TNCN

Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau:

- a) Kỳ tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công;

b) Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế; thu nhập từ quà tặng;

c) Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Trường hợp cá nhân áp dụng kỳ tính thuế theo năm thì phải đăng ký từ đầu năm với cơ quan thuế.

Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

5. Các khoản thu nhập không tính thuế thu nhập cá nhân

A. khoản phụ cấp, trợ cấp

- Trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần đối với các đối tượng tham gia kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ.

- Phụ cấp quốc phòng, an ninh; các khoản trợ cấp đối với lực lượng vũ trang.

- Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với những ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm.

- Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực.

- Trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, mức hưởng chế độ thai sản, mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản...

- Trợ cấp đối với các đối tượng được bảo trợ xã hội.

Phụ cấp phục vụ đối với lãnh đạo cấp cao.

- Trợ cấp một lần đối với cá nhân khi chuyển công tác đến vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn..

- Phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

- Phụ cấp đặc thù ngành nghề.

Lưu ý: Các khoản phụ cấp, trợ cấp và mức phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

B. Mức khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục

Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện thì mức khoán chi áp dụng như sau:

Chi trang phục

Theo khoản 2.7 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC, mức chi tiền trang phục được miễn thuế TNCN như sau:

- Phần chi trang phục bằng hiện vật cho người lao động không có hóa đơn, chứng từ. Bằng hiện vật sẽ được tính toàn bộ vào chi phí;
- Bằng tiền cho người lao động vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm.
- Chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật thì mức chi tối đa đối với chi bằng tiền không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm, bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ.

Khoản tiền ăn trưa, ăn giữa ca

- Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa, ăn trưa cho người lao động.
- Công ty không tổ chức nấu ăn thì mức tiền chi bữa ăn giữa ca cho người lao động tối đa không vượt quá 730.000 đồng/người/tháng.

Công tác phí

Theo điểm 2.8 khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC (sửa đổi bởi Thông tư 92/2014/TT-BTC), công tác phí được tính như sau:

Trường hợp công ty có khoán tiền đi lại, tiền ở, phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của công ty thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoán tiền đi lại, tiền ở, tiền phụ cấp.

Như vậy, nếu quy chế tài chính, quy chế nội bộ của công ty quy định rõ thì được miễn thuế TNCN theo quy định đó.

Tiền điện thoại

Hiện nay Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp công ty không quy định rõ, do vậy sẽ thực hiện theo các quy định của công ty (ghi trong hợp đồng lao động, quy chế tài chính...).

C. Tiền xe đưa đón, tiền thưởng

- Khoản chi về phương tiện phục vụ đưa đón đi làm.
- Tiền chi đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động.

- Các khoản thưởng: Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng, Tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng...

D. Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền

- Người sử dụng lao động mua cho người lao động sản phẩm bảo hiểm không bắt buộc không có tích lũy về phí bảo hiểm thì khoản tiền phí mua sản phẩm bảo hiểm này không tính vào thuế bảo hiểm.

- Khoản phí hội viên: Trường hợp thẻ được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế.

E. Các khoản lợi ích khác

Theo điểm g khoản 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC (bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC) không tính vào thu nhập chịu thuế các khoản thu nhập sau:

- Khoản hỗ trợ của người sử dụng lao động cho việc khám chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân của người lao động.

- Khoản tiền nhận được theo quy định về sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Đảng, đoàn thể.

- Khoản tiền nhận được theo chế độ nhà ở công vụ.

- Khoản tiền nhận được do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi đảm hiếu, hi cho bản thân và gia đình người lao động.

Cách tính thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Thu nhập tính thuế:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – các khoản giảm trừ

Thu nhập chịu thuế:

Thu nhập chịu thuế = Tổng thu nhập – các khoản miễn thuế/không chịu thuế

1. Tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần: Áp dụng đối với cá nhân cư trú ký HĐLĐ có thời hạn từ 3 tháng trở lên

Các khoản giảm trừ:

– Giảm trừ gia cảnh (hướng dẫn tại khoản 1 điều 9 của thông tư 111/2013/TT-BTC) bao gồm:

Giảm trừ bản thân: 9.000.000 đồng/tháng, từ tháng 07/2020 mức này được nâng lên: 11.000.000 đồng/tháng

+ Khoản giảm trừ bản thân 9.000.000 / 11.000.000 đồng/tháng này không cần phải đăng ký

+ Nếu người lao động làm việc tại nhiều nơi thì chỉ được lựa chọn 1 nơi để tính giảm trừ bản thân

Giảm trừ người phụ thuộc: 3.600.000 đồng/tháng, từ tháng 07/2020 mức này được nâng lên 4.400.000 đồng/tháng

+ Phải được đăng ký với thuế

+ Người phụ thuộc là người mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng (con, bố, mẹ...)

– Giảm trừ các khoản bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN (hướng dẫn tại khoản 2 điều 9 của thông tư 111/2013/TT-BTC)

– Giảm trừ các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học (hướng dẫn tại khoản 3 điều 9 của thông tư 111/2013/TT-BTC)

Tổng lương nhận được:

Là toàn bộ thu nhập người lao động nhận được trong kỳ tính thuế bao gồm: lương, phụ cấp, các khoản bổ sung (bao gồm cả tiền thưởng lễ, tết)

Thuế suất:

Áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần dưới đây:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng số thuế tính theo từng bậc thu nhập. Số thuế tính theo từng bậc thu nhập bằng thu nhập tính thuế của bậc thu nhập nhân (X) với thuế suất tương ứng của bậc thu nhập đó.

2. Khấu trừ 10%: Áp dụng đối với cá nhân ký HĐLĐ có thời hạn dưới 3 tháng hoặc không ký HĐLĐ

Tính bằng cách khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo từng lần chi trả thu nhập từ 2.000.000 đồng/tháng trở lên

- Với cá nhân cư trú khấu trừ 10% tổng thu nhập trả/lần
- Tiền ăn, tiền lương tăng ca của lao động ký hợp đồng dưới 3 tháng không được miễn thuế TNCN
- Cá nhân có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi giảm trừ gia cảnh chưa đến mức nộp thuế thì các cá nhân đó làm cam kết 02/CK-TNCN theo mẫu tại thông tư 92/2015/TT-BTC gửi tổ chức chi trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế TNCN

Điều kiện được làm cam kết 02/CK-TNCN:

- Có ký HĐLĐ dưới 3 tháng

- Có mã số thuế TNCN tại thời điểm làm cam kết
- Ước tính tổng thu nhập chưa đến mức phải đóng thuế
- Chi phí phát sinh duy nhất thu nhập tại một nơi

3. Khấu trừ 20%: Áp dụng đối với cá nhân không cư trú, thường là người nước ngoài

Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú = thu nhập chịu thuế X thuế suất toàn phần 20%

4. Cách tính thuế TNCN đối với một số trường hợp đặc biệt

- Đối với thu nhập từ đầu tư vốn: thuế suất là 5% trên tổng thu nhập
- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn: thu nhập tính thuế và thuế suất 0.1% (0.1% giá trị chuyển nhượng)
- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản: thuế suất là 2% trên giá trị chuyển nhượng
- Đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại: có mức giảm trừ là 10.000.000 đồng, thuế suất là 5%
- Đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng: có mức giảm trừ gia cảnh là 10.000.000 đồng và thuế suất là 10%

Ví dụ 1

Bà Minh ký hợp đồng lao động không thời hạn với Công ty B có thu nhập từ tiền lương, tiền công trong tháng 01/2019 như sau:

- Lương thực tế: 30 triệu
- Bà đóng bảo hiểm (BHXH 8%, BHYT 1,5%, BHTN 1%) trên mức lương 20 triệu
- Bà không có người phụ thuộc

Thuế TNCN tạm nộp trong tháng của bà Minh là bao nhiêu?

Ví dụ 2

Anh B có thu nhập từ tiền lương, tiền công trong tháng là 50.000.000 đồng và nộp các khoản bảo hiểm là: 8% BHXH, 1.5% BHYT, 1% BHTN. Anh B nuôi 2 con dưới 18 tuổi, trong tháng anh B không đóng góp quỹ từ thiện, nhân đạo, khuyến học nào. Thuế TNCN tạm nộp trong tháng của anh B là bao nhiêu?

BÀI TẬP

Tại doanh nghiệp Quang Minh, chuyên kinh doanh linh kiện điện thoại có bảng lương trong quý 1 như sau:

Tháng 1: có 12 nhân viên cư trú

STT	Họ và Tên	Bộ phận	Thời hạn hợp đồng	Lương CB	Phụ cấp ăn trưa – xăng – điện thoại	Công tác phí
1	A	QL	Trên 3 tháng	30.000.000	1.000.000	500.000
2	B	QL	Trên 3 tháng	40.000.000	1.000.000	0
3	C	BH	Trên 3 tháng	8.000.000	0	0
4	D	BH	Thử việc	2.000.000	0	0
5	E	BH	Trên 3 tháng	5.000.000	0	0
6	F	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
7	G	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
8	H	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
9	I	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
10	K	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
11	L	KT	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
12	M	KT	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0

Tháng 2: có 13 nhân viên cư trú

STT	Họ và Tên	Bộ phận	Thời hạn hợp đồng	Lương CB	Phụ cấp ăn trưa – xăng – điện thoại	Công tác phí
1	A	QL	Trên 3 tháng	30.000.000	1.000.000	500.000
2	B	QL	Trên 3 tháng	40.000.000	1.000.000	0
3	C	BH	Trên 3 tháng	8.000.000	0	0
4	D	BH	Thử việc	2.000.000	0	0
5	E	BH	Trên 3 tháng	5.000.000	0	0
6	F	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0

7	G	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
8	H	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
9	I	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
10	K	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
11	L	KT	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
12	M	KT	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
13	N	BH	Thử việc	2.000.000	0	0

Tháng 3: có 12 nhân viên cư trú

STT	Họ và Tên	Bộ phận	Thời hạn hợp đồng	Lương CB	Phụ cấp ăn trưa – xăng – điện thoại	Công tác phí
1	A	QL	Trên 3 tháng	30.000.000	1.000.000	500.000
2	B	QL	Trên 3 tháng	40.000.000	1.000.000	0
3	C	BH	Trên 3 tháng	8.000.000	0	0
4	D	BH	Thử việc	2.000.000	0	0
5	E	BH	Trên 3 tháng	5.000.000	0	0
6	F	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
7	G	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
8	H	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
9	I	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
10	K	SX	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
11	L	KT	Trên 3 tháng	7.000.000	0	0
12	M	KT	Nghỉ việc	0	0	0
13	N	BH	Thử việc	2.000.000	0	0

Kê khai thuế TNCN trong quý 1, biết rằng:

- Ông A còn nuôi 1 con nhỏ dưới 18 tuổi, được công ty trả thay phí hội viên câu lạc bộ thể thao 1 triệu đồng/tháng, bảo hiểm bắt buộc đóng của ông A và Bà B là 10.5%
- Doanh nghiệp nộp tạm thuế TNCN quý 1 là.....

